TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2026
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ .
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Đức.
2. Ông Nguyễn Ngọc Như.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Tây Ninh.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp G, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2025 và những tài liệu chứng cứ cùng những lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài L có trong hồ sơ như sau:

Năm 2022, bà với ông Nguyễn Thành L1 quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 15/02/2022, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cũ (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh).

Thời gian từ khi kết hôn đến nay, bà với ông Nguyễn Thành L1 xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không cùng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, tình trạng mâu thuẫn vẫn kéo dài, không còn tình cảm với nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, bà xác định không thể hàn gắn lại được. Bà yêu cầu những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành L1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung là cháu Nguyễn Phú Q, giới tính nam, sinh ngày 05/9/2023. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phú Q đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không yêu cầu ông L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L1 vắng mặt không có ý kiến trình bày không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Toà án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Nguyễn Thị Tài L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp G, xã B, tỉnh Tây Ninh nên được xác định là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung". Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt: Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông L1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L1 và bà L theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tài L và ông Nguyễn Thành L1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cũ (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) ngày 15/02/2022 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy trong thời gian vợ chồng chung sống được một thời gian thì nay giữa bà L và ông L1 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông L1 không có lời khai trong hồ sơ và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiện ông L1 đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L nên được xác định ông L1 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L. Việc ông L1 vắng mặt và không có ý kiến thể hiện ông L1 không

có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà L thì hai bên không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hai bên không có tiếng nói chung. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông L1 là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung cháu Nguyễn Phú Q, giới tính nam, sinh ngày 05/9/2023. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Phú Q đến khi con chung đủ 18 tuổi hiện nay cháu còn nhỏ và đang sống với bà L vẫn phát triển bình thường về mặt vật chất, tinh thần. Do đó để ổn định về mặt tâm sinh lý nên cần tiếp tục giao cháu Q cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tài L đối với ông Nguyễn Thành L1 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tài L được ly hôn với ông Nguyễn Thành L1.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Phú Q, giới tính nam, sinh ngày 05/9/2023 cho bà Nguyễn Thị Tài L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thành L1 không phải cấp dưỡng con chung do bà Nguyễn Thị Tài L không yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tài L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tài L đã nộp theo biên lai số 0001438 ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Tài L đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tài L, ông Nguyễn Thành L1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án**:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Ngọc Như – Vũ Thị Đức	**Vũ Thị Lệ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND KV 8 -TN;
- PhòngTHADS KV8 -TN;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Lệ